TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29-3-2019 V/v Ly hôn giữa chị Đ và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân
2. Ông Nguyễn Đức Việt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX- ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tòng Thị Đ sinh năm 1974, địa chỉ: Bản N, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vì Văn T, sinh năm 1974, địa chỉ: Bản N, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử cũng như nguyên đơn chị Tòng Thị Đ trình bày:

Chị và anh Vì Văn T kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2009, khi kết hôn chị và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia

đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần một năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh T tự ý mang đồ đạc trong gia đình đi bán lấy tiền tiêu xài. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, không chăm lo cho gia đình.

Đến ngày 19/6/2018, anh T bị TAND huyện Mai Sơn ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vì Văn M sinh ngày 04/02/2009 và cháu Vì Thành Đ sinh ngày 09/4/2012. Nguyện vọng của chị là được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu M và Đ cho đến khi các cháu Đ, M trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung: Do anh T đang cai nghiện bắt buộc nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này tại thời điểm chị Đ có đơn xin ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Vì Văn T trình bày:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị Đ về quá trình kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh cũng đúng như chị Đ trình bày là do anh đã tự ý bán đồ đạc gia đình đi nên vợ chồng có cãi cọ nhau. Đến tháng 6/2018 anh đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La với thời gian 24 tháng. Trong thời gian đi cai nghiện chị Đ có đến thăm anh và yêu cầu ly hôn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Đ nên không nhất trí ly hôn. Hiện chị Đ có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh không nhất trí ly hôn với chị Đ và có mong muốn chị Đ chờ anh cai nghiện xong để về vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vì Văn M và Vì Thành Đ như chị Đoán trình bày. Anh không nhất trí ly hôn với chị Đ nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hiện anh đang đi cai nghiện bắt buộc nên anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nếu có tại thời điểm chị Đ có yêu cầu xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T lấy đồ đạc gia đình đi bán. Tổ hòa giải của bản cũng đã tổ chức hòa giải cho vợ chồng theo yêu cầu của chị Đ nhưng không thành. Sau đó, anh T đi cai nghiện bắt buộc

theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị xem xét giải quyết theo quy định bảo đảm quyền lợi của các đương sự.

Về con chung: Chị Đ, anh T có 02 con chung là cháu Vì Văn M sinh ngày 04/02/2009 và cháu Vì Thành Đ sinh ngày 09/4/2012. Các cháu đều đang sống cùng với chị Đ tại địa phương.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị Đ. Về con chung: Giao cháu Vì Văn M sinh ngày 04/02/2009 và cháu Vì Thành Đ sinh ngày 09/4/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận việc chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bị đơn anh Vì Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản N, xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án xin ly hôn giữa chị Tòng Thị Đ và anh Vì Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS tiến hành hòa giải cho các đương sự để có căn cứ giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Bị đơn anh T hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Tòng Thị Đ và anh Vì Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, anh chị đã được UBND xã CC, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2009 (số 26, quyển số 01/2009), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường lấy đồ đạc gia đình đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi cọ nhau. Ngày 19/6/2018, anh T bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh theo Quyết định số 72/2018/QĐ-TA của TAND huyện MS với thời gian 24 tháng.Trong biên bản lấy lời khai và khi hòa giải, anh T xác nhận vẫn còn tình cảm với chị Đ nên không nhất trí ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ theo quy định và điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã có từ lâu. Đến khi anh T bị đưa đi cai nghiện bắt buộc thì chị Đ đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được với anh T nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đoán được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị Đ, anh T có 02 con chung là Vì Văn M sinh ngày 04/02/2009 và cháu Vì Thành Đ sinh ngày 09/4/2012. Từ khi anh T đi cai nghiện bắt buộc các cháu sống với chị Đ tại bản N xã CC. Cả hai cháu M, Đ đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T hiện đang đi cai nghiện bắt buộc, không có điều kiện để chăm sóc con. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần giao cháu Vì Văn M và Vì Thành Đ cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Đ, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết tại thời điểm chị Đ có yêu cầu xin ly hôn.

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Đ có kê khai ra dư nợ 10.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện MS – Phòng Giao dịch NS. Tuy nhiên chị Đ tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ này cho Ngân hàng và được sự nhất trí của Ngân hàng. Chị Đ không yêu cầu anh T có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Các đương sự, Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét và không xác định Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện MS làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 228; Điều 266; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Đ và anh Vì Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Vì Văn M sinh ngày 04/02/2009 và cháu Vì Thành Đ sinh ngày 09/4/2012 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M, cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ do chị Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm gặp con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm giải quyết ly hôn nên sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001833 ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CC;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Chơ